

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G L**

Bản án số: 50/2021/HS-ST

Ngày 31/8/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ, TỈNH G L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Sỹ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lưu Thông** – Cán bộ hưu trí.

2- Ông **Lê Văn Do** – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Quang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Thế Quang** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Đ Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2021/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 50/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2021 và Thông báo đổi ngày xét xử số: 02/2021/TB-TA ngày 19/8/2021 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: G -Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 10/10/2000, tại G L, nơi cư trú: Làng K, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Nghề nghiệp: Làm nông, trình độ văn hóa: 7/12, dân tộc: Bana, giới tính: Nam, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Y sinh năm 1976 và bà N sinh năm 1976, gia đình bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2008; bị cáo là con lớn trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Y -Tên gọi khác: Không. Sinh năm 2001, tại G L, nơi cư trú: Làng D R, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Nghề nghiệp: Làm nông, trình độ văn hóa: 6/12, dân tộc: Bana, giới tính: Nam, tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam, con ông H, sinh năm 1977 (hiện đã chết) và T, sinh năm 1977, gia đình bị cáo có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2010; bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của người bị hại N T L: Ông L M, sinh năm: 1957.

Trú tại: Thôn 3, xã N Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Y, sinh năm: 1976.

Trú tại: Làng K, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

2. Bà N, sinh năm: 1976

Trú tại: Làng K, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

3. Bà T, sinh năm: 1977

Trú tại: Làng D R, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L

Có mặt

4. Anh L T – sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn 3, xã N Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Vắng mặt

Người bào chữa cho bị cáo G và bị cáo Y: Ông H V K – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G L.

Có mặt

Người phiên dịch: Ông Đ, sinh năm: 1985

Trú tại: Làng K, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

G và Y chưa có Giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Khoảng 10 giờ ngày 04/3/2021, Y điều khiển xe mô tô biển số 81B2 – 541.63 chở G đi dự đám cưới của anh C (sinh năm 2000) và chị B (sinh năm 2001) tại làng Đ, xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Tại đám cưới, G và Y ngồi cùng bàn với O (sinh năm 2004), Sơn (sinh năm 2002) cùng trú tại Làng K, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L và khoảng 04 đến 05 người thanh niên lạ mặt, G và Y mỗi người uống khoảng 04 đến 05 chai bia rồi nghỉ. Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, G và Y từ đám cưới tại xã Đ đi về nhà tại xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Y biết G chưa có Giấy phép lái xe mô tô, đã sử dụng bia (nồng độ cồn đo được là 0,396mg/01 lít khí thở) nhưng vẫn giao xe mô tô biển số 81B2 - 541.63 cho G điều khiển chở Y về nhà. G điều khiển xe mô tô biển số 81B2 - 541.63 chở Y đi trên đường tỉnh lộ 670B hướng xã Đ đi về xã K G. Khi cả hai đi đến đoạn đường thuộc Thôn 5, xã Đ K, huyện Đ Đ, tỉnh G L G điều khiển xe mô tô biển số 81B2 - 541.63 lấn sang bên trái đường theo hướng đi nên đã tông vào xe mô tô biển số 81B2 - 194.49 do bà T T L (sinh năm 1960, trú tại: Thôn 3, xã N Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L) đang dừng ở lề đường bên trái đường tỉnh lộ 670B theo đi của G. Hậu quả: Bà Lang chết trên đường đi cấp cứu, G và Y bị thương, 02 xe mô tô bị hư hỏng nặng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện:

- Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ tại Km 20 + 500m tỉnh lộ 670B thuộc Thôn 5, xã Đ K, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường hai chiều, không có vạch kẻ tim đường là đoạn đường thẳng, không có chướng ngại vật, tầm nhìn thoáng không bị che khuất. Mặt đường trải nhựa, mặt

đường rộng 05m. Lề đường bên trái theo chiều từ xã N Y đi xã Đ rộng 1,5m; lề đường bên phải tính theo chiều từ xã N Y đi xã Đ rộng 1,4m.

- Phương tiện, dấu vết trên hiện trường được ký hiệu như sau: Xe mô tô biển số 81B2 - 541.63 (ký hiệu 1), xe mô tô biển số 81B2 - 194.49 (ký hiệu 2), vết vỡ bê tông 1 (ký hiệu 3), vết vỡ bê tông 2 (ký hiệu 4), vết cày (ký hiệu 5), vết trượt (ký hiệu 6), diện mảnh vỡ mũ bảo hiểm (ký hiệu 7).

- Xác định điểm mốc và mép đường chuẩn.

+ Chọn mép đường bên phải theo chiều đi từ xã N Y đi xã Đ làm mép đường chuẩn, các dấu vết được đo vào mép đường chuẩn.

+ Chọn trụ điện số 1HY9/11H nằm bên lề đường trái theo chiều đi từ xã N Y đi xã Đ làm điểm mốc.

- Sau tai nạn trên hiện trường để lại các dấu vết và phương tiện như sau:

+ Xe mô tô biển số 81B2 - 541.63 (1) nằm ngả nghiêng bên trái theo hướng đầu xe quay về hướng xã Đ, đuôi xe quay về hướng xã N Y và nằm trên dải đất hành lang đường bộ bên phải theo hướng xã N Y đi xã Đ. Khoảng cách từ tâm trục bánh trước xe mô tô (1) đến mép đường chuẩn là 3,6m, từ tâm trục bánh sau xe mô tô (1) đến mép đường chuẩn là 3,4m.

+ Xe mô tô biển số 81B2 - 194.49 (2) nằm ngả nghiêng bên phải theo hướng đầu xe quay về hướng xã N Y, đuôi xe quay về hướng xã Đ và nằm trên miệng rãnh thoát nước phía bên phải tính theo hướng xã N Y đi xã Đ. Khoảng cách từ tâm trục bánh trước xe mô tô (2) đến mép đường chuẩn là 2,4m, khoảng cách từ tâm trục bánh sau xe mô tô (2) đến mép đường chuẩn là 1,4m.

+ Khoảng cách từ tâm trục bánh trước xe mô tô (1) đến tâm trục bánh trước xe mô tô (2) là 4,9m.

- Tại vị trí mép thành bên phải của mương thoát nước bên phải đường tỉnh lộ 670B tính theo hướng từ xã N Y đi xã Đ có 02 vết vỡ bê tông, được (ký hiệu 3) và (ký hiệu 4) trên sơ đồ.

+ Vết vỡ bê tông thứ nhất (ký hiệu 3) có diện (0,4 x 0,2 x 0,03)m, từ tâm vết vỡ bê tông (3) đến mép đường chuẩn là 1,9m; tâm vết vỡ bê tông (3) cách tâm trục bánh trước xe mô tô (2) là 0,2m.

+ Vết vỡ bê tông thứ hai (ký hiệu 4) có diện (0,11 x 0,08 x 0,02)m, từ tâm vết vỡ bê tông (4) đến mép đường chuẩn là 1,6m; tâm vết vỡ bê tông (4) cách tâm vết vỡ bê tông (3) là 0,8m; tâm vết vỡ bê tông (4) cách tâm trục bánh sau xe mô tô (2) là 0,6m.

- Trên mặt đường có 01 vết cày được (ký hiệu 5) và 01 vết trượt được (ký hiệu 6) trên sơ đồ.

+ Vết cày (ký hiệu 5) nằm trên mặt đường, có chiều hướng từ xã Đ đi xã N Y, vết có diện (0,55 x 0,02 x 0,01)m, từ đầu vết cày (5) đến mép đường chuẩn là 0,5m; từ cuối vết cày (5) đến mép đường chuẩn là 0,4m.

+ Vết trượt (ký hiệu 6), có dạng đứt quãng nằm trên mặt đường và lề đường bên phải tính theo chiều hướng từ xã N Y đi xã Đ, vết có diện (6,2 x 0,04)m, từ đầu vết trượt (6) đến mép đường chuẩn là 0,4m; từ cuối vết trượt (6) đến mép đường chuẩn là 0,4m; từ đầu vết cày (5) đến đầu vết trượt (6) là 1,2m; từ cuối vết cày (5)

đến cuối vết trượt (6) là 4,2m; từ cuối vết trượt (6) đến tâm vết bể bê tông (4) là 7,4m.

- Trên lề đường bên trái tính lộ 670B tính theo hướng từ xã N Y đi xã Đ có 01 vùng mảnh vỡ mũ bảo hiểm được (ký hiệu 7) trên sơ đồ.

- + Vùng mảnh vỡ mũ bảo hiểm (ký hiệu 7) có diện chung là (1,1 x 0,25)m, từ tâm vùng mảnh vỡ (7) đến mép đường chuẩn là 06m, khoảng cách từ tâm vùng mảnh vỡ (7) đến tâm trục bánh sau xe mô tô (1) là 9,5m.

- Mương thoát nước phía bên phải tính theo chiều hướng từ xã N Y đi xã Đak Somei được xây bằng bê tông xi măng và có kích thước chiều rộng 0,6m, chiều sâu là 0,4m.

- Khoảng cách từ tâm trục bánh sau xe mô tô (2) đến trụ điện số 1HY9/11H là 23m.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 81B2 - 541.63 bị hư hỏng do tai nạn giao thông.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81B2 - 194.49 bị hư hỏng do tai nạn giao thông.

Kết quả khám phương tiện liên quan đến vụ tai nạn thể hiện:

- **Đối với xe mô tô biển số 81B2 - 541.63 sau tai nạn để lại những dấu vết sau:**

- + Gương chiếu hậu phía trước bên trái bị bể mặt gương, góc trên bên trái gương có vết trầy xước mài mòn nhựa trong diện (01 x 1,2)cm.

- + Ốp mặt nạ bằng nhựa bảo vệ hệ thống đèn chiếu sáng phía trước, ốp nhựa bảo vệ đồng hồ bị bung vỡ, gãy nhựa.

- + Tại vị trí mặt ngoài tay cầm phía trước bên trái có vết cà mòn nhựa trong diện (03 x 03)cm.

- + Tại vị trí mặt ngoài tay côn phía trước bên trái có vết mài mòn kim loại trong diện (02 x 1,8)cm.

- + Ốp nhựa cản trước xe máy bị mất, lộ phần trục khung kim loại chằng ba của xe, ốp yếm chắn gió phải, trái bị mất.

- + Tại vị trí chạc ba xe bị bung hở trong diện (06 x 01)cm.

- + Ống giảm xóc phía trước bên phải và trái bị cong vênh chiều hướng từ trước ra sau, từ phải qua trái.

- + Tại vị trí 1/3 dưới giảm xóc phía trước bên phải bị nứt gãy kim loại trong diện (05 x 07)cm.

- + Cụm heo dầu bố thắng trước bị gãy kim loại, bung rời khỏi vị trí.

- + Chấn bùn trước, sau bánh xe trước bị bể, gãy nhựa chỉ còn lại 03 (ba) phần nhựa kích thước lần lượt (07 x 18)cm, (16 x 06)cm, (20 x 08)cm.

- + Vành bánh xe trước bị cong vênh biến dạng trong diện (04 x 15)cm chiều hướng từ ngoài vào trong.

- + Trục bánh xe trước bị gãy kim loại chiều hướng từ trước ra sau, kích thước (04 x 2,5)cm.

+ Mặt ngoài ốp cao su gác để chân phía trước bên trái có vết mài mòn cao su trong diện (03 x 03)cm.

+ Tại vị trí 1/3 ốp nhựa bảo vệ sườn xe bên trái có vết mài mòn nhựa trong diện (09 x 10)cm và nhựa ốp bảo vệ sườn xe bị vỡ trong diện (06 x 3,5)cm.

+ Góc để chân sau bên trái bị gãy kim loại kích thước (05 x 02)cm.

+ Mặt ngoài tay dắt sau kim loại bên trái có vết mài mòn kim loại trong diện (20 x 01)cm.

+ Mặt ngoài ốp nhựa bên trái bảo vệ hệ thống đèn chiếu hậu có vết mài mòn nhựa trong diện (13 x 03)cm.

+ Mặt ngoài thanh kim loại bên trái nối với trục sên bánh xe sau bị cong vênh, có vết mài mòn kim loại trong diện (05 x 3,5)cm bám dính chất màu xám trắng.

+ Tại vị trí góc dưới bên trái biển số xe có vết mài mòn kim loại trong diện (1,1 x 02)cm.

+ Bộ lọc gió bị móp méo, cong vênh chiều hướng từ trước ra sau.

- Đối với xe mô tô biển số 81B2 - 194.49, sau tai nạn để lại những dấu vết sau:

+ Gương chiếu hậu trước bên phải gãy, rời khỏi vị trí định vị, kích thước vết gãy (02 x 02)cm.

+ Gương chiếu hậu trước bên trái bị mất mặt gương còn lại cần gương, vị trí cần gương có vết mài mòn kim loại trong diện (02 x 01)cm.

+ Ốp nhựa bảo vệ đồng hồ số, đèn chiếu sáng phía trước bị bể nhựa, bung hở trong diện (16 x 28)cm.

+ Tại vị trí mặt ngoài ốp cao su tay cầm bên phải có vết cà mòn trong diện (04 x 03)cm bám dính chất màu xám trắng.

+ Tại vị trí mặt ngoài phanh tay bên phải bị cong vênh, chiều hướng từ phải qua trái và vết cà mòn kim loại trong diện (3,5 x 1,3)cm.

+ Tại vị trí yếm chắn gió bên phải bị bể nhựa trong diện (30 x 40)cm; yếm chắn gió bên trái bị bể nhựa trong diện (40 x 29)cm.

+ Cần phanh chân bị cong vênh từ trước ra sau, có vết cà mòn kim loại kích thước (3,5 x 01)cm.

+ Tại vị trí mặt ngoài gác để chân trước bên phải có vết mài mòn cao su và kim loại trong diện (04 x 03)cm.

+ Mặt sau dè chắn bùn bánh xe trước bị bể nhựa trong diện (10 x 08)cm.

+ Bình lọc gió cong vênh móp méo chiều hướng từ trái qua phải, từ sau ra trước.

+ Khung kim loại sườn xe bên trái cong vênh chiều hướng từ trái qua phải từ sau ra trước.

+ Tại vị trí mặt ngoài bên trái ổ máy bị bể kim loại trong diện (04 x 06)cm.

+ Tại vị trí mặt ngoài phía trước ổ máy bị bể kim loại trong diện (08 x 04)cm.

+ Dây công tơ mét bên trái bung rời khỏi vị trí định vị.

+ Cần số bị cong vênh theo chiều hướng từ trái qua phải, từ ngoài vào trong ép sát vào lỗ máy.

Kết quả kiểm tra ma túy và nồng độ cồn đối với G lúc 18 giờ 15 phút ngày 04/3/2021 như sau:

- Đối với ma túy: Âm tính
- Đối với nồng độ cồn: 0,396 miligam/1 lít khí thở.

Kết quả kiểm tra ma túy và nồng độ cồn đối với Y lúc 18 giờ 45 phút ngày 04/3/2021 như sau:

- Đối với ma túy: Âm tính
- Đối với nồng độ cồn: 0,343 miligam/1 lít khí thở.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 20/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L đã truy tố bị cáo G về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự và bị cáo Y về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Y từ 06 tháng đến 09 tháng cáo tạo không giam giữ

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo G và Y phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào trưa ngày 04/3/2021 tại đám cưới anh C và chị B thuộc làng Đ, xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. G và Y đã uống rượu, bia. Sau khi dự đám cưới xong do mệt nên Y đã giao xe mô tô biển số 81B2-541.63 cho G điều khiển chở Y ngồi sau để về nhà tại xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Đến khoảng 15 giờ 20 phút ngày 04/03/2021, khi xe mô tô biển số 81B2-541.63 do G điều khiển đi đến Km 20 + 500m tỉnh lộ 670B thuộc Thôn 5, xã Đ K, huyện Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L do không làm chủ tốc độ và lấn đường nên tông vào xe mô tô biển số 81B2- 194.49 do bà T T L điều khiển đang dừng sát lề đường bên trái tỉnh lộ 670B theo hướng đi của xe mô tô biển số 81B2-541.63. Hậu quả làm bà Lang chết trên đường đi cấp cứu, G và Y bị thương, 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Hành vi điều khiển xe mô tô của bị cáo G khi không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô trong tình trạng đã sử dụng rượu, bia với nồng độ cồn, đi không đúng phần đường lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi đã vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 luật giao thông đường bộ và vi phạm khoản 2 Điều 35 Luật phòng chống tác hại của rượu bia, gây ra hậu quả nghiêm trọng làm chết người, tài sản bị thiệt hại là **5.313.000** đồng đã phạm vào tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Y biết G không có giấy phép lái xe theo quy định và cũng biết G đã uống rượu, bia nên việc Y giao xe mô tô cho G điều khiển là không đúng quy định gây hậu quả làm chết người. Hành vi của Y đã phạm vào tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ truy tố bị cáo G về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Y về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) để khắc phục hậu quả, gia đình người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Bị cáo G có ông Ngoại và bà Ngoại tham gia kháng chiến chống Mỹ được nhà nước tặng huân kháng chiến hạng nhất, Bị cáo G và bị cáo Y có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân các bị cáo từng

tham gia nghĩa vụ quân sự tại đơn vị Đ Đ 1, T Đ 1, T Đ, S Đ 10, Q Đ 3, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L, Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo Y được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Đây là vụ án tai nạn giao thông nghiêm trọng, nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông trên là do G điều khiển xe mô tô không làm chủ tốc độ, thiếu quan sát, lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi; điều khiển xe mô tô trong tình trạng đã sử dụng bia, rượu, nồng độ cồn: 0,396 miligam/1 lít khí thở và không có giấy phép lái xe theo quy định.

Hành vi điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô trong tình trạng đã sử dụng rượu, bia có nồng độ cồn: 0,396 miligam/1 lít khí thở, đi không đúng phần đường dẫn đến gây tai nạn làm chết một người của bị cáo G là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự giao thông đường bộ, xâm phạm quyền được bảo vệ về tính mạng của công dân. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, thuộc trường hợp định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung nhưng bị cáo G có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 và 2 Điều 51 nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt liền kề cũng đủ giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của nhà nước.

Đối với bị cáo Y, biết G không có giấy phép lái xe theo quy định và cũng biết G đã uống bia nhưng vẫn giao xe mô tô cho G điều khiển gây ra tai nạn làm chết người. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của mình, việc cho bị cáo được cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xét thấy bị cáo làm nông, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cần miễn khâu trừ thu nhập đối với bị cáo là phù hợp.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 81B2 - 541.63 thuộc sở hữu của bị cáo Y; xe mô tô biển số 81B2- 194.49 thuộc sở hữu của anh L T là con trai của

bà T T L nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về dân sự:

Gia đình các bị cáo và gia đình người bị hại T T L đã tự thỏa thuận bồi thường xong về phần dân sự theo đó gia đình các bị cáo bồi thường số tiền là 165.000.000 đồng. Gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên, không còn yêu cầu bồi thường gì thêm, gia đình bị cáo G và Y không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, sau khi xảy ra tai nạn giao thông Y bị thương, Y đã có đơn từ chối giám định thương tích, không yêu cầu xử lý và không có yêu cầu bị cáo G phải bồi thường về phần dân sự.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo G.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Y

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.Tuyên bố:

Bị cáo G phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Bị cáo Y phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”

3.Xử phạt:

Bị cáo **G** 01 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành án.

Bị cáo **Y** 01 năm cải tạo không giam giữ, Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Y. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Y.

Giao bị cáo Y cho Ủy ban nhân dân xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Y thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo G, Y mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2021), các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đối với đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- Sở tư pháp tỉnh G L;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ Đ;
- VKSND huyện Đ Đ;
- THADS;
- Bị cáo;
- Người có qnlvq đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Án Vắn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Sỹ